

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 134/2017/DS-PT  
Ngày 07-8-2017  
V/v tranh chấp về hợp đồng  
vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân;

*Các Thẩm phán:* Bà Đặng Thị Đồng;

Bà Phạm Thị Hồng Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Song Tố Như – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:** Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2017/TLPT-DS ngày 19 tháng 6 năm 2017 về việc tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2017/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 117/2017/QĐ-PT ngày 11 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Kim H, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số 193, Đường H, khu phố X, Phường Z, thành phố T, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số 391/16/7D, Đường P, khu phố K, phường Đ, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/11/2016);

2. Bị đơn: Bà Lương Thị T, sinh năm 1971 và ông Lê Văn C, sinh năm 1968; Cùng địa chỉ: Số 65, Đường V, khu phố L, Phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - ông Lê Văn C: Bà Lương Thị T. (Theo văn bản ủy quyền ngày 02/3/2017).

### 3. Người kháng cáo: Bà Lương Thị T – Bị đơn

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện ngày 08/11/2016 của bà Trịnh Thị Kim H và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:*

Vào năm 2011, vợ chồng ông Lê Văn C và bà Lương Thị T có vay của bà Trịnh Thị Kim H số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng với lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 1,5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả. Ông C, bà T đã thanh toán lãi suất đầy đủ cho bà. Đến năm 2013, do có nhu cầu kinh doanh nên bà H yêu cầu vợ chồng ông C, bà T trả lại số tiền gốc. Ngày 21/9/2013, ông C có lập giấy cam kết hẹn đến ngày 21/10/2013 thì vợ chồng ông bà sẽ trả trước số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng và thỏa thuận miệng số tiền lãi hàng tháng là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng. Vợ chồng ông C, bà T đã trả lãi đến tháng 01/2015 thì ngưng. Đến nay đã quá thời hạn theo cam kết nhưng ông C, bà T chưa trả được số tiền nào cho bà H nên bà khởi kiện yêu cầu ông C, bà T trả lại số tiền nợ gốc 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

*Tại bản tự khai ngày 15/11/2016 và ngày 04/01/2017, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lương Thị T trình bày:*

Bà T thống nhất về số tiền nợ gốc và thời điểm vay tiền như người đại diện theo ủy quyền của bà H trình bày. Tuy nhiên, bà T trình bày các bên thỏa thuận lãi suất là 06%/tháng và đến nay, bà đã trả lại cho bà H số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng vào khoảng tháng 12/ 2014. Việc trả tiền có sự chứng kiến của chị Phan Thị Phương A, con bà H. Hiện bà còn nợ bà H số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng. Giấy hẹn nợ ngày 21/9/2013 là do ông Lê Văn C, chồng của bà T lập, bà không biết nên khi trả lại số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng bà không thu hồi lại giấy hẹn. Nay bà T chỉ đồng ý trả lại số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng cho bà H, không tranh chấp về lãi suất.

*Tại bản tự khai ngày 23/12/2016, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn C trình bày:*

Ông C thống nhất với lời trình bày của bà T về số tiền nợ gốc, thời điểm vay, lãi suất hàng tháng và số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng còn nợ bà H. Ông cho rằng vì giấy hẹn nợ không có giá trị pháp lý nên khi vợ chồng ông C, bà T trả lại bà H số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng thì chỉ đòi lại giấy nợ gốc ngày 11/10/2011 mà không thu hồi giấy hẹn nợ ngày 21/9/2013. Nay ông C chỉ đồng ý trả lại cho bà H số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2017/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh, tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” của bà Trịnh Thị Kim H đối với bà Lương Thị T, ông Lê Văn C.

Buộc bà Lương Thị T, ông Lê Văn C có nghĩa vụ trả cho bà Trịnh Thị Kim H số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lương Thị T, ông Lê Văn C phải chịu 42.000.000 (bốn mươi hai triệu) đồng.

Bà Trịnh Thị Kim H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Trịnh Thị Kim H số tiền 21.000.000 (hai mươi một triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003409 ngày 10 tháng 11 năm 2016 và biên lai thu số 0003479 ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 17 tháng 5 năm 2017, bị đơn bà Lương Thị T kháng cáo toàn bộ phần quyết định của bản án sơ thẩm với nội dung bà chỉ đồng ý trả lại bà Trịnh Thị Kim H số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng và đề nghị Tòa cấp phúc thẩm mời chị Phan Thị Phương A để đối chất về số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng mà bà đã trả cho bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lương Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa cấp phúc thẩm; các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa cấp phúc thẩm, bà Lương Thị T thừa nhận việc vay số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng của bà H nên có cơ sở xác định bà T nợ bà H số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Bà T kháng cáo cho rằng đã trả cho bà H số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc trả tiền, đồng thời, bà H không thừa nhận việc trả tiền nêu trên. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Các bên thừa nhận việc vay tiền là có thật, cụ thể là bà H có cho vợ chồng ông C, bà T vay số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng vào ngày 11/10/2011. Bà H xác nhận bà T có làm Giấy mượn tiền với chữ ký của bà Lương Thị T. Ngày 21/9/2013, ông Lê Văn C có lập một giấy hẹn nợ, thừa nhận việc có nợ bà H số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng và hẹn trả lại bà H số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng chậm nhất là vào ngày 21/10/2013.

[2] Ông C, bà T cho rằng ông bà đã trả cho bà H số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng vào khoảng tháng 12/2014. Việc trả tiền có sự chứng kiến của chị Phương A, con gái bà H. Ông C, bà T đã thu hồi giấy mượn tiền ngày 11/10/2011 và viết lại giấy nợ số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng đưa cho bà H. Tuy nhiên, bà H không thừa nhận việc có nhận số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng của ông bà. Đồng thời, chị Phương A cũng xác định không biết việc vay mượn tiền giữa bà T với bà H. Do vậy, bà T yêu cầu đối chất là không cần thiết. Bên cạnh đó, ông C và bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc đã trả cho bà H số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng.

[3] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Lương Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lương Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lương Thị T; giữ nguyên bản án sơ thẩm;

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Kim H đối với bà Lương Thị T, ông Lê Văn C về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”;

Buộc bà Lương Thị T, ông Lê Văn C có nghĩa vụ trả cho bà Trịnh Thị Kim H số tiền nợ gốc 1.000.000.000 (một tỷ) đồng;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà H cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà T, ông C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

### 3. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lương Thị T, ông Lê Văn C phải chịu 42.000.000 (bốn mươi hai triệu) đồng.

Bà Trịnh Thị Kim H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Trịnh Thị Kim H số tiền 21.000.000 (hai mươi một triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003409 ngày 10 tháng 11 năm 2016 và Biên lai thu số 0003479 ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lương Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0004123 ngày 17 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Bà T đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND thành phố T;
- VKSND thành phố T
- THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Nguyễn Thị Tuyết Vân**